



GRASS ACCORD

GA-F00005 · v1

Heliotrope Veil

Diên vĩ phần dưới làn sương vani

HOA CỎ · HỒ PHÁCH PHẦN · 13 NGUYÊN LIỆU · 1,000 PHẦN

THƯ VIỆN MỞ GRASSACCORD · CÔNG THỨC HỌC TẬP



THƯ VIỆN MỞ GRASSACCORD · CÔNG THỨC HỌC TẬP

Heliotrope Veil

Diên vĩ phần dưới làn sương vani

NHÓM HƯƠNG	MỀ	NGUYÊN LIỆU	PHÙ HỢP
Hoa cỏ · Hỗ phách phần	1,000 phần	13	Nước hoa cồn

I Ghi chú của nhà điều hương

Ánh nắng cuối chiều xuyên qua tấm rèm lụa mỏng, rơi lên chiếc bàn trang điểm cũ. Hơi thở đầu tiên là bergamot — tươi sáng, hơi đắng, như trà với một lát vỏ — bay lên vài phút trước khi căn phòng lắng vào điều gì đó mềm hơn: rễ diên vĩ khô, hoa heliotrope trắng ngọt như hạnh nhân, và một sợi nhài trong trẻo.

Rồi tấm voan buông xuống. Methyl ionone chiếm gần một phần năm công thức và khiến mọi thứ hóa phần; coumarin, chút balsam kiểu tonka và làn sương vani sưởi ấm từ bên dưới, trong khi xạ hương sạch, chút đàn hương và hổ phách khô giữ mùi sát da. Một thoáng đào giữ cho phần không bị bụi. Hãy xem nguyên liệu nhiều nhất, bergamot, mở cửa rồi rời đi thế nào — và điều đọng lại là lớp phần.



30.9%

Gần một phần ba bề là bergamot, nhưng đây không phải hương cam chanh. Bergamot phai trong vòng một giờ; 19.3% methyl ionone, cùng heliotrope, coumarin và vani, là lớp phần ở lại.

BÀI HỌC CỦA CÔNG THỨC NÀY

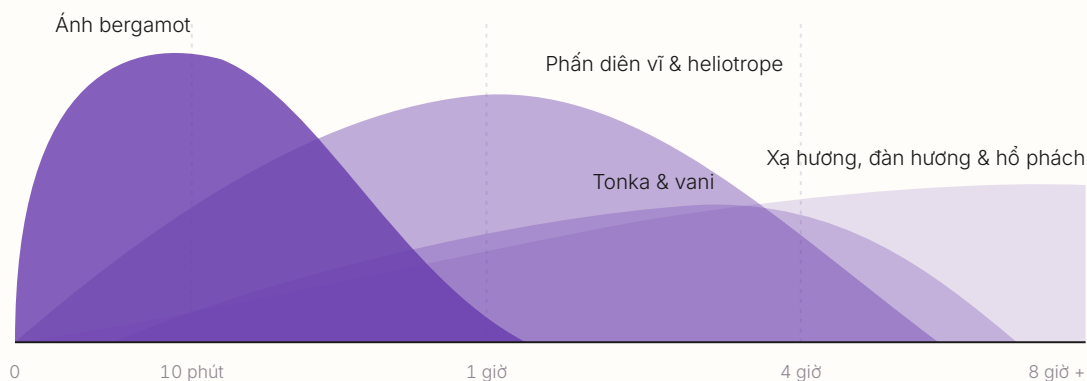
II Cấu trúc hương

TỶ LỆ TRONG TINH DẦU HƯƠNG

Ánh cam chanh	Bergamot essential oil		30.9%
Phần diên vĩ	Iralia Total		19.3%
Lan tỏa	Hedione		12.8%
Vị ngọt cỏ khô	Coumarin		9.7%
Xạ hương da	Habanolide		8.9%
Gỗ mềm	Sandalwood Givco 203		3.0%
Phần hạnh nhân	Heliotropin		2.6%
Balsam tonka	Florex		1.1%
Vỏ chanh	Citral		1.0%
Hoa tươi mát	Linalool		1.0%
Vỏ đào	gamma-Undecalactone		0.7%
Sương vani	Ethyl vanillin, nguyên chất		0.51%
Hồ phách khô	Cetalox, nguyên chất		0.39%

III Hương mở ra thế nào

TRÊN QUE THỪ



Hình minh họa từ ghi chú của chuyên gia pha chế, không phải số đo — thời gian thay đổi theo liều lượng, nền và nhiệt độ.



IV Công thức

PHẦN KHỐI LƯỢNG

ST T	NGUYÊN LIỆU	CAS	PHA LOÃNG	PHẦN	%	% NGUYÊN CHẤT	VAI TRÒ	ĐÃ CÂN
01	Bergamot Essential Oil	8007-75-8	—	309	30.9	30.9	Ảnh cam chanh	
02	Iralia Total	1335-46-2	—	193	19.3	19.3	Phần diên vĩ	
03	Hedione	24851-98-7	—	128	12.8	12.8	Lan tỏa	
04	Coumarin	91-64-5	—	97	9.7	9.7	Vị ngọt cô khô	
05	Habanolide	111879-80-2	—	89	8.9	8.9	Xạ hương da	
06	Ethyl Vanillin	121-32-4	10%	51	5.1	0.51	Sương vani	
07	Cetalox	6790-58-5	10%	39	3.9	0.39	Hồ phách khô	
08	Sandalwood Givco 203	base thương mại	—	30	3.0	3.0	Gỗ mềm	
09	Heliotropin	120-57-0	—	26	2.6	2.6	Phần hạnh nhân	
10	Florex	69486-14-2	—	11	1.1	1.1	Balsam tonka	
11	Citral	5392-40-5	—	10	1.0	1.0	Vỏ chanh	
12	Linalool	78-70-6	—	10	1.0	1.0	Hoa tươi mát	
13	gamma- Undecalactone	104-67-6	—	7	0.7	0.7	Vỏ đào	
Tổng				1,000	100.0	91.90	+ 8.10 dung môi	

V Liều dùng gợi ý

Nước hoa cồn · nước-cồn

5%



VI Quy đổi

GAM

STT	NGUYÊN LIỆU	10 G	50 G	100 G
01	Bergamot Essential Oil	3.09	15.45	30.90
02	Iralia Total	1.93	9.65	19.30
03	Hedione	1.28	6.40	12.80
04	Coumarin	0.97	4.85	9.70
05	Habanolide	0.89	4.45	8.90
06	Ethyl Vanillin 10%	0.51	2.55	5.10
07	Cetalox 10%	0.39	1.95	3.90
08	Sandalwood Givco 203	0.30	1.50	3.00
09	Heliotropin	0.26	1.30	2.60
10	Florex	0.11	0.55	1.10
11	Citral	0.10	0.50	1.00
12	Linalool	0.10	0.50	1.00
13	gamma-Undecalactone	0.07	0.35	0.70
	Tổng	10.00	50.00	100.00

VII Cách pha chế

1. Pha hai dung dịch 10%: 1 g ethyl vanillin + 9 g dung môi, và 1 g Cetalox + 9 g dung môi (DPG hoặc cồn nước hoa). Cả hai đều là chất rắn; làm ấm nhẹ đến khi trong hoàn toàn, rồi để nghỉ 24 giờ.
2. Hòa tan coumarin và heliotropin trong Iralia Total và Hedione.
3. Thêm Habanolide, Sandalwood Givco 203, Florex và gamma-undecalactone.
4. Thêm linalool, citral và tinh dầu Bergamot, rồi đến hai dung dịch sau cùng. Khuấy nhẹ, đậy kín và để nghỉ 48 giờ nơi mát, tối trước khi thử ở 5% trong cồn.



VIII Ghi chú nguyên liệu

1 / 2

Bergamot essential oil

Tinh dầu tự nhiên · CAS 8007-75-8

Tươi sáng và hơi đắng, với nét hoa bay nhẹ như trà. Với 30.9%, đây là ánh sáng mờ đầu tan đi để lộ lớp phần. Tự nhiên chứa furocoumarin; với sản phẩm cho da, hãy dùng loại đã giảm furocoumarin.

grassaccord.com/ingredients/bergamot-essential-oil

Hedione (methyl dihydrojasmonate)

C13H22O3 · 226.31 · CAS 24851-98-7

Nhài trong, thoáng. Với 12.8%, nó mở khoảng không bên trong lớp phần, để tắm voan nhẹ thay vì bụi.

grassaccord.com/ingredients/methyl-dihydrojasmonate-hedione

Habanolide

C15H26O2 · 238.37 · CAS 111879-80-2

Xạ hương da sạch, mềm với ánh kim loại thoáng qua. Với 8.9%, đây là lớp vải dưới lớp phần, giữ mùi sát da hàng giờ.

grassaccord.com/ingredients/habanolide

Iralia Total (methyl ionones)

C14H22O · 206.32 · CAS 1335-46-2

Diên vĩ và violet phần trên nền gỗ mềm. Với 19.3%, đây là gương mặt của công thức — lớp phần còn lại khi cam chanh đã đi. Chứa alpha-isomethyl ionone, một chất gây dị ứng trong danh sách EU.

grassaccord.com/ingredients/iralia-total

Coumarin

C9H6O2 · 146.14 · CAS 91-64-5

Cỏ khô với hơi ấm đắng ngọt. Với 9.7%, nó cho lớp phần một thân ấm và hòa cùng heliotropin trong vị ngọt như hạnh nhân. Chất gây dị ứng trong danh sách EU.

grassaccord.com/ingredients/coumarin

Ethyl vanillin

C9H10O3 · 166.17 · CAS 121-32-4

Vani đậm, mạnh hơn vanillin. Cân dưới dạng dung dịch 10%, cho 0.51% nguyên chất — một làn sương, không phải món tráng miệng. Có thể làm hỗn hợp đổi màu theo thời gian.

grassaccord.com/ingredients/ethyl-vanillin



VIII Ghi chú nguyên liệu

2 / 2

Cetalox (ambroxide)

C16H28O · 236.39 · CAS 6790-58-5

Hỗ phách sạch, khô với nét khoáng. Dạng dung dịch 10% (0.39% nguyên chất), nó trải ánh khô dưới vani và xạ hương. Là chất rắn: hòa tan hoàn toàn trước.

grassaccord.com/ingredients/ambroxan

Heliotropin (piperonal)

C8H6O3 · 150.13 · CAS 120-57-0

Mùi hoa heliotrope: hạnh nhân mềm và phấn. Với 2.6%, nó đặt tên cho công thức và mang vị ngọt dịu dàng như hoa anh đào. Là chất rắn; hòa tan trước.

grassaccord.com/ingredients/heliotropin-piperonal

gamma-Undecalactone

C11H20O2 · 184.27 · CAS 104-67-6

Vỏ đào chín, béo và rất mạnh. Với 0.7%, nó làm tròn lớp phấn bằng nét mềm trái cây thoáng qua — chỉ cần một chút.

grassaccord.com/ingredients/gamma-undecalactone

Linalool

C10H18O · 154.25 · CAS 78-70-6

Hương hoa tươi giữa oải hương và linh lan. Ở 1%, nó đưa bergamot vào lớp phấn iris. Là chất gây dị ứng nằm trong danh sách của EU.

grassaccord.com/ingredients/linalool

Sandalwood Givco 203

Base tổng hợp kiểu đàn hương · thành phần trên bảng của nhà cung cấp

Một base tạo ra để gợi đàn hương mà không dùng dầu đàn hương — gỗ mềm, béo như kem. Với 3%, nó trải một sàn gỗ lạng lẽ dưới lớp phấn.

grassaccord.com/ingredients/sandalwood-givco-203

Florex

C12H16O2 · 192.25 · CAS 69486-14-2

Nốt balsam kiểu tonka, có nét chua nhẹ, hơi thuốc lá, rất bền. Với 1.1%, nó làm coumarin sâu hơn và giữ vị ngọt không bị phẳng.

grassaccord.com/ingredients/florex

Citral

C10H16O · 152.23 · CAS 5392-40-5

Vỏ chanh tự nhiên, sắc nét. Ở 1%, nó làm phần mở đầu bergamot sắc nét hơn. Bị hạn chế và là chất gây dị ứng tại EU, nhưng ở các liều này thấp hơn nhiều so với giới hạn.

grassaccord.com/ingredients/citral



IX Kiểm tra chất gây dị ứng

EU · LƯU TRÊN DA

NGUYÊN LIỆU TRONG DANH SÁCH	TRONG TINH DẦU HƯƠNG	NƯỚC HOA CỒN 5%
Bergamot essential oil	30.9%	1.55%
Methyl ionone (Iralia Total)	19.3%	0.97%
Coumarin	9.7%	0.49%
Citral	1.0%	0.05%
Linalool	1.0%	0.05%

Ngưỡng EU cho sản phẩm lưu trên da: 0.001%. Mọi dòng đều cao hơn nhiều, nên tất cả phải ghi vào danh sách thành phần (với Iralia Total, chất gây dị ứng trong danh sách là alpha-isomethyl ionone của nó; số liệu là toàn bộ nguyên liệu, một mức trần). Bergamot essential oil và Sandalwood Givco 203 có chất gây dị ứng riêng (linalool, limonene và các chất khác) — hãy cộng mức của chúng từ chứng nhận chất gây dị ứng của nhà cung cấp.



X Tóm tắt quy định

MỸ PHẨM · KIỂM TRA 10/2026

NGUYÊN LIỆU	LIÊN MINH CHÂU ÂU	CÁC THỊ TRƯỜNG KHÁC ĐÃ KIỂM TRA
Bergamot essential oil	Chất gây dị ứng phải ghi nhãn — Phụ lục III, mục 352. Furocoumarin — Phụ lục II, mục 358: chỉ hàm lượng bình thường trong tinh dầu tự nhiên	Chưa có trong từ điển
Citral	Hạn chế và là chất gây dị ứng phải ghi nhãn — Phụ lục III, mục 70: sản phẩm hương thơm 0.6%	Hàn Quốc: ghi nhãn chất gây dị ứng
Coumarin · Linalool	Chất gây dị ứng phải ghi nhãn — Phụ lục III, mục 77 và 84	Hàn Quốc: ghi nhãn chất gây dị ứng
Iralia Total	Không có mục cho hỗn hợp; alpha-isomethyl ionone trong đó là chất gây dị ứng phải ghi nhãn — Phụ lục III, mục 90	Hàn Quốc: ghi nhãn chất gây dị ứng
Hedione · Habanolide · Ethyl vanillin · Heliotropin · gamma-Undecalactone · Cetalex	Không có mục Phụ lục II / III theo số CAS	Canada, Hàn Quốc: không có mục chính xác (không phải sự chấp thuận)
Florex	Không có mục Phụ lục II / III theo số CAS	Chưa có trong từ điển
Sandalwood Givco 203	Base thương mại — hãy kiểm tra chứng nhận IFRA và bản khai chất gây dị ứng của nhà cung cấp	Chưa có trong từ điển

Citral là nguyên liệu duy nhất có giới hạn nồng độ EU riêng: 0.05% ở mức 5% đề xuất (giới hạn 0.6% trong sản phẩm hương thơm). Các chất gây dị ứng khác trong danh sách chỉ cần ghi nhãn. Với sản phẩm cho da, hãy chọn bergamot loại đã giảm furocoumarin. Tiêu chuẩn IFRA chưa được kiểm chứng cho thè này.



Thư viện mở GrassAccord

HỌC · THAY ĐỔI · BIẾN THÀNH CỦA QUÝ VỊ

Đây là công thức học tập được chia sẻ để học hỏi. GrassAccord không bảo đảm về tính an toàn, hiệu quả hay sự tuân thủ quy định của công thức và không chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc sử dụng; bất kỳ ai sản xuất hoặc bán sản phẩm từ công thức này có trách nhiệm tự thử nghiệm và đáp ứng quy định tại thị trường của mình.